

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hưởng

Ông Dương Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 30/12/1993, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H; Bị cáo có vợ tên Trương Thị Mỹ L (đã ly hôn), bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/6/2021 bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, số tiền 1.500.000 đồng bị cáo đã nộp phạt, đã xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2023 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Xin vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần Văn H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt;

2. Dương Ngọc H2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 25/5/2023, anh Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ-đen biển số 62B1-544.50 đến khu vực Kênh D2 Ấp 4, xã T, huyện B để làm công trình, khi đến nơi anh T dựng xe mô tô biển số 62B1-544.50 cặp hông nhà người dân, cắm chìa khóa trên xe và để 01 bộ máy đo ngắm tọa độ gồm 03 bộ phận: 01 đầu máy nhãn hiệu Sokkia đựng trong hộp nhựa màu cam; 01 bộ chân bằng kim loại có 03 nhánh và 01 cây thước kim loại (thước E) cạnh xe, rồi đi làm công trình cách khoảng 20m. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc G chạy xe mô tô gắn biển số 62S2-9697 để đi làm, khi chạy trên đoạn Kênh D2, G nhìn thấy xe mô tô biển số 62B1-544.50 và bộ máy đo ngắm tọa độ không người trông coi nên G nảy sinh ý định trộm bán lấy tiền tiêu xài. G dựng xe 62S2-9697 bỏ lại, rồi lấy bộ máy đo ngắm tọa độ của anh T để lên ba ga phía trước xe mô tô 62B1-544.50 rồi nổ máy điều khiển xe 62B1-544.50 chạy về nhà G tại Ấp 3, xã T, huyện B cất giấu máy đo tọa độ, sau đó tháo biển số xe 62B1-544.50 thay bằng biển số 62S1-2462 và tháo bửng xe đem giấu trên nóc nhà. Đến khoảng 16 giờ 10 phút, anh T quay lại lấy xe thì phát hiện bị mất xe và bộ máy đo tọa độ nên đến Công an xã T trình báo. Đến khoảng 19 giờ, G điều khiển xe vừa trộm được gắn biển số 62S1-2462 chở Dương Ngọc H2 đi mua ma túy sử dụng thì Công an xã T mời về trụ sở làm việc, lo sợ nên G bỏ xe chạy trốn đến ngày 28/5/2023 G đến Công an xã T trình diện.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, định giá: 01 bộ máy đo ngắm tọa độ trị giá 2.400.000đ.

Tại Kết luận định giá số 42/KL-HĐĐG ngày 02/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, định giá: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade màu đỏ đen, biển số 62B1-544.50, trị giá 11.500.000đ, tổng giá trị 13.900.000đ.

Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT có tạm giữ: 01 bộ máy đo ngắm tọa độ gồm 03 bộ phận: 01 đầu máy nhãn hiệu Sokkia đựng trong hộp nhựa màu cam; 01 bộ chân bằng kim loại có 03 nhánh và 01 cây thước kim loại (thước E) đã qua sử dụng; 01 bộ bửng xe nhãn hiệu Honda bằng nhựa màu đỏ

đen đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số xe 62B1-544.50 thuộc sở hữu của Nguyễn Văn T, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh T; 01 biển số 62S1-2462, G khai nhặt trên đường; 01 xe mô tô màu sơn đen, không có nhãn hiệu đã cũ, không có dàn áo có gắn biển số 62S2-9697, không số khung, số máy của G bỏ lại tại hiện T, sử dụng khi phạm tội (Hiện Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B tạm giữ).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc G hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận định giá, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKSBL ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 bộ máy đo ngắm tọa độ gồm 03 bộ phận: 01 đầu máy nhãn hiệu Sokkia đựng trong hộp nhựa màu cam; 01 bộ chân bằng kim loại có 03 nhánh và 01 cây thước kim loại (thước E) đã qua sử dụng; 01 bộ bình xe nhãn hiệu Honda bằng nhựa màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số xe 62B1-544.50 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh T theo biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 14/6/2023 là phù hợp nên không đề nghị xem xét.

Đối với 01 biển số 62S1-2462, bị cáo G khai nhặt trên đường là của ông Trần Văn H1 làm rơi mất, hiện nay ông đã được cấp lại biển số khác, không yêu cầu gì nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô màu sơn đen, không có nhãn hiệu đã cũ, không có dàn áo có gắn biển số 62S2-9697, không số khung, số máy của G bỏ lại tại hiện trường, sử dụng khi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Nhà nước..

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện T, bản ảnh hiện T cùng với bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 07/6/2023, bản kết luận định giá số 42/KL-HĐĐG ngày 02/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ động cơ chây lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân không phải bỏ sức lao động mà lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo G đã lén lút chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân cụ thể khoảng 15 giờ

30 phút ngày 25/5/2023, Nguyễn Ngọc G chạy xe mô tô gắn biển số 62S2-9697 đến đoạn Kênh D2 thuộc Ấp 4, xã T, huyện B, thì G bỏ lại xe mô tô gắn biển số 62S2-9697, rồi lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu đỏ-đen, biển số 62B1-544.50 trị giá 11.500.000đ và bộ máy đo ngắm tọa độ trị giá 2.400.000đ của anh Nguyễn Văn T đang dựng cạnh nhà dân để đi làm công trình.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại Nguyễn Văn T mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo Nguyễn Ngọc G vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc G cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có lời trình bày không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 bộ máy đo ngắm tọa độ gồm 03 bộ phận: 01 đầu máy nhãn hiệu Sokkia đựng trong hộp nhựa màu cam; 01 bộ chân bằng kim loại có 03 nhánh và 01 cây thước kim loại (thước E) đã qua sử dụng; 01 bộ bình xe nhãn hiệu Honda bằng nhựa màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số xe 62B1-544.50 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh T theo biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 14/6/2023 là phù hợp nên không đề cập, xem xét.

Đối với 01 biển số 62S1-2462, bị cáo G khai nhật trên đường là của ông Trần Văn Hoài làm rơi mất, hiện nay ông đã được cấp lại biển số khác, không yêu cầu gì nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô màu sơn đen, không có nhãn hiệu đã cũ, không có dàn áo có gắn biển số 62S2-9697, không số khung, số máy của G bỏ lại tại hiện trường, sử dụng khi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập, xem xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô màu sơn đen, không có nhãn hiệu đã cũ, không có dàn áo có gắn biển số 62S2-9697, không số khung, số máy.

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 62S1-2462.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/9/2023).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh